

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HS-ST

Ngày: 26/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Lan
2. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 25/7/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 13/8/2025 đối với bị cáo:

Trần Thanh Q, sinh năm 2003 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số: 082203004992; danh chỉ bản số: 22 lập ngày 19/3/2025 tại Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long); trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh N và bà Phạm Thị Cẩm T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/3/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Thị Trà M, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

- Người chứng kiến: Phan Thị Kim T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ, ngày 13/01/2025 Trần Thanh Q cùng với Lê Thị Trà M đến thuê phòng số 5 của nhà nghỉ T2 thuộc ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) do bà Phan Thị Kim T1 làm chủ để nghỉ ngơi. Tại đây, Q có nhu cầu sử dụng ma túy nên mượn điện thoại di động của M liên hệ qua mạng xã hội với một người tên "A" (chưa rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy đá, được A đồng ý và hẹn lấy ma túy ở gần nhà

ngiht T2. Sau đó, Q nhờ Lê Thị Trà M chuyển tiền cho một người tên “A” (không rõ họ tên và địa chỉ) qua tài khoản ngân hàng 0902462464 tên N1 số tiền 1.300.000 đồng và nói là để mua đồ, M không biết việc Q mua ma túy. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày Q đến địa điểm đã hẹn để lấy ma túy và cất giấu vào túi quần phía sau bên phải rồi trở về phòng trọ, đến khoảng 08 giờ 35 phút thì bị Công an xã Q (nay là Công an xã G) phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Công an tỉnh V), kiểm tra phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang.

Vật chứng tạm giữ gồm: Một túi nilong hàn kín 3 cạnh, cạnh còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ, bên trong chứa tinh thể li ti nghi ma túy đá; một ống nhựa màu vàng trắng, một đầu được gắn với một ống nhựa màu trắng vót nhọn một đầu, bên trong rỗng; một bật lửa màu xanh, phần thân quấn một đoạn băng keo nhựa màu đen; một ống thủy tinh trong suốt, một đầu được uốn cong có bầu hình cầu, bên trong rỗng; một điện thoại di động hiệu Redmi gắn sim 0332490853 của Lê Thị Trà M.

Tại bản Kết luận giám định số: 23/2025/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh V) xác định tinh thể màu trắng đựng trong một túi nilong được niêm phong mã số NS4 2184127 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 2,0452 gam. H lại đối tượng giám định được niêm phong có khối lượng 1,9536 gam.

Đối với đối tượng còn lại sau giám định được niêm phong có khối lượng 1,9536 gam; một ống nhựa màu vàng trắng, một đầu được gắn với một ống nhựa màu trắng vót nhọn một đầu, bên trong rỗng; một bật lửa màu xanh, phần thân quấn một đoạn băng keo nhựa màu đen; một ống thủy tinh trong suốt, một đầu được uốn cong có bầu hình cầu, bên trong rỗng là ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy; một điện thoại di động hiệu Redmi gắn sim 0332490853 của Lê Thị Trà M chưa xử lý.

Quá trình điều tra xác định số tài khoản ngân hàng 0902462464 tên NGUYEN BAO AN là của Nguyễn Bảo Ân, sinh năm 1991, địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Qua làm việc và đối chất, Ân và Q khai nhận số tiền 1.300.000 đồng là tiền của Q mượn Ân từ trước, không phải là tiền Q chuyển để mua ma túy, còn người bán ma túy tên A không phải là Ân.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSKV5 ngày 23/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Một túi nilong hàn kín 3 cạnh, cạnh còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ, bên trong chứa tinh thể màu trắng là chất ma túy loại Methamphetamine, mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 1,9536 gam; một ống nhựa màu vàng trắng, một đầu được gắn với một ống nhựa màu trắng vót nhọn một đầu, bên trong rỗng; một bật lửa màu xanh, phần thân quấn một đoạn băng keo nhựa màu đen; một ống thủy tinh trong suốt, một đầu được uốn cong có bầu hình cầu. Buộc bị cáo nộp số tiền 1.500.000 đồng là tiền mua ma túy để sung công quỹ nhà nước. Trả lại cho Lê Thị Trà M một điện thoại di động hiệu Redmi gắn sim 0332490853, do Lê Thị Trà M không biết bị cáo Q sử dụng để mua ma túy.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 08 giờ 35 phút, ngày 13/01/2025 tại phòng số 5 nhà nghỉ T2 thuộc ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long). Công an xã Q (nay là Công an xã G) phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh V) phát hiện bắt quả tang Trần Thanh Q, sinh năm 2003 có hành vi tàng trữ 2,0452 gam ma túy, loại Methamphetamine mục đích để sử dụng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo có vẫn cố ý tàng trữ 2,0452 gam ma túy, loại Methamphetamine mục đích để sử dụng. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Một túi nilon hàn kín 3 cạnh, cạnh còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ, bên trong chứa tinh thể màu trắng là chất ma túy loại Methamphetamine, mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 1,9536 gam; một ống nhựa màu vàng trắng, một đầu được gắn với một ống nhựa màu trắng vót nhọn một đầu, bên trong rỗng; một bật lửa màu xanh, phần thân quấn một đoạn băng keo nhựa màu đen; một ống thủy tinh trong suốt, một đầu được uốn cong có bầu hình cầu, bên trong rỗng.

Buộc bị cáo nộp số tiền 1.500.000 đồng là tiền mua ma túy để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho Lê Thị Trà M 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi gắn sim 0332490853 là tài sản của M vì M không biết bị cáo sử dụng điện thoại để mua ma túy.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V xác minh, làm rõ đối tượng cung cấp ma túy cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật. Đối với việc Lê Thị Trà M giúp bị cáo chuyển tiền và cho bị cáo mượn điện thoại để liên hệ mua ma túy nhưng cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được Lê Thị Trà M đồng phạm với bị cáo hoặc có hành vi phạm tội khác nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Đối với chủ Nhà nghỉ T2 cho bị cáo thuê phòng nhưng không biết bị cáo tàng trữ ma túy nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Trần Thanh Q số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: Một túi nilong hàn kín 3 cạnh, cạnh còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ, bên trong chứa tinh thể màu trắng là chất ma túy loại Methamphetamine, mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 1,9536 gam; một ống nhựa màu vàng trắng, một đầu được gắn với một ống nhựa màu trắng vót nhọn một đầu, bên trong rỗng; một bật lửa màu xanh, phần thân quấn một đoạn băng keo nhựa màu đen; một ống thủy tinh trong suốt, một đầu được uốn cong có bầu hình cầu, bên trong rỗng.

3.2. Buộc bị cáo nộp 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng để sung quỹ nhà nước.

3.3. Trả lại cho Lê Thị Trà M 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, kiểu máy 220733SG, màu xanh, IMEI1:864501063030524, IMEI2: 864501063030532, gắn sim 0332490853, không gắn thẻ nhớ ngoài.

(Vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Vĩnh Long quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/8/2025).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thanh Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã L, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Thi